

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 20/2019/HSST

Ngày: 29 – 3 – 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hoài Phong;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST – HS ngày 12/3/2019, đối với bị cáo: Trần Thị S, sinh ngày 26/12/1964 tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Nhà số 95, đường L, tổ 21, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần P (đã chết) và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Chồng: Lê Văn T. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 2001.

Bị tạm giữ từ ngày 02/10/2018 đến ngày 08/10/2018, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/10/2018 đến nay.

- Người bào chữa: Luật sư Nguyễn Công T – Văn phòng luật sư Nguyễn Công T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 95 đường L, tổ 21, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Bà **Đinh Thị T1**, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3/ Bà **Phạm Thị T2**, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Anh **Dương Hoàng P**, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 344/7 đường H, phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Anh **Đinh T3**, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 77/8 đường T, phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Trần Thị S có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T, luật sư Nguyễn Công T có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh T3, ông Dương Hoàng P, bà Đinh Thị T1, bà Phạm Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1]. Trần Thị S là chủ hộ kinh doanh nhà nghỉ TS. Trong quá trình kinh doanh nhà nghỉ thì vào giữa tháng 9 năm 2018, Trần Thị S có quen biết với Phạm Thị T2 và Đinh Thị T1 là hai gái bán dâm. T2, T1 đến nhà nghỉ thỏa thuận với S là khi có khách đến nhà nghỉ TS hỏi mua dâm thì S điện thoại cho T1, T2 đến để bán dâm. Cứ mỗi lần bán dâm cho người mua dâm với giá là 250.000 đồng, S hưởng 100.000 đồng (*tiền phòng và tiền nước uống*), còn T2, T1 mỗi người hưởng 150.000 đồng và chịu bao cao su để quan hệ tình dục với người mua dâm.

Vào khoảng 15 giờ chiều ngày 02/10/2018, Đinh T3 cùng với Dương Hoàng P điều khiển xe máy đến nhà nghỉ TS. Tại đây P vào trước và vô tình gặp Đinh Thị T1 ở trên cầu thang đi xuống tầng trệt, vì có mối quan hệ tình cảm với P từ trước nên P và T1 chào hỏi nhau rồi cùng nhau rủ lên phòng 205 để tâm sự. Tại đây, P và T1 tự nguyện quan hệ tình dục với nhau - không có việc thỏa thuận mua bán dâm. Sau đó, anh Đinh T3 vào sau và đặt vấn đề với S về việc hỏi gái để bán dâm cho T3 thì Trần Thị S đồng ý nên giữa T3 và bị cáo S thỏa thuận giá mỗi lượt mua dâm là 250.000 đồng. Sau khi thỏa thuận việc mua bán dâm thì S hướng dẫn T3 lên phòng 204 để chờ gái đến bán dâm cho T3 thì T3 đồng ý và đưa cho S số tiền 500.000 đồng (để trên kệ tủ bán nước quầy lễ tân) rồi đi lên phòng 204 chờ. Sau đó S dùng số thuê bao 077.5175.818 của mình gọi đến số thuê bao 01635068351 cho Đinh Thị T1 thì T1 không nghe máy nên S không liên hệ được với T1. Tiếp đến S dùng số thuê bao 077.5175.818 của mình gọi đến số thuê bao 086.8480.432 của Phạm Thị T2 (*tên thường gọi là Hương, trong danh bạ của bị cáo S lưu là “Hương linh”*), bảo T2 đến Nhà nghỉ TS bán dâm cho khách mua dâm thì T2 đồng ý đến nhà nghỉ TS để bán dâm. Khi T2 đến, S hướng dẫn T2 vào phòng 204 để bán dâm cho T3, trong lúc T3 và T2 đang quan hệ tình dục (mua bán dâm)

với nhau thì Công an thành phố Quảng Ngãi phối hợp với Công an phường N kiểm tra, phát hiện bắt quả tang T2 và T3 đang mua bán dâm tại phòng 204 cùng tang vật. Đồng thời lúc này tại phòng 205, P và T1 vừa quan hệ tình dục xong đi xuống cầu thang thì cũng bị Cơ quan điều tra lập biên bản.

[2] Các đối tượng có liên quan trong vụ án:

- Đinh T3 là người mua dâm, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 22 Nghị Định 176/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018 Công an thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính là 750.000 đồng, nhưng T3 chưa thi hành nộp phạt (*Bút lục 122*).

- Phạm Thị T2 là người bán dâm, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị Định 176/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018 Công an thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính mỗi người là 200.000 đồng, T2 đã nộp phạt.

- Đối với Dương Hoàng P và Đinh Thị T1: Trong giai đoạn điều tra bổ sung. T1 và P đều khai nhận do có mối quan hệ tình cảm trước đó nên chiều ngày 02/10/2018, T1 và P đã tự thỏa thuận lên phòng 205 nhà nghỉ TS để quan hệ tình dục với nhau, không có hành vi mua bán dâm giữa T1 và P, đồng thời P khai không biết T1 sinh ngày 30/12/2000 nên không có căn cứ để xác định Dương Hoàng P có hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi, nên hành vi của P không có dấu hiệu phạm vào tội “*Mua bán dâm người dưới 18 tuổi*” quy định tại Điều 329 Bộ luật hình sự và không vi phạm pháp luật. Do đó Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-HBQĐXPHC ngày 08/01/2019 đối với Dương Hoàng P (*Bút lục 273*). Đồng thời tài liệu thể hiện T1 không có hành vi mua bán dâm, nên T1 không vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị Định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018. Do đó Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-HBQĐXPHC ngày 08/01/2019 đối với Đinh Thị T1.

[3] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 Việt Nam đồng, có số seri OC15434886 của T3 đưa cho bị cáo S để mua dâm T2;

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobistar có số thuê bao 077.5175.818 của Trần Thị S.

+ 01 (Một) điện thoại di động cảm ứng, màu trắng phía sau có ốp lót hình bông hoa màu hồng, đã qua sử dụng của Phạm Thị T2. Cơ quan điều tra đã trả lại cho T2;

+ 01 bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng của Phạm Thị T2.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO, ốp lưng màu vàng, đã qua sử dụng Đinh Thị T1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho T1;

+ 01 bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng của Đinh Thị T1.

[4]. Cáo trạng số 12/QĐ-VKS, ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị S từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 250.000 đồng, mà T3 đưa cho S để mua dâm và 01 điện thoại di động hiệu Mobistar có số thuê bao 077.5175.818 của Trần Thị S dùng để liên hệ cho Phạm Thị T2 đến bán dâm; tiêu hủy 02 (hai) bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng và trả lại cho Đinh T3 số tiền 250.000 đồng.

Đối với các Quyết định xử phạt hành chính do Cơ quan công an thành phố Quảng Ngãi ban hành xử phạt đối với Đinh Thị T1, Dương Hoàng P là không đúng pháp luật, do các đối tượng này không có hành vi vi phạm pháp luật, nên Cơ quan công an đã ra Quyết định thu hồi hủy bỏ các Quyết định xử phạt hành chính với hai đối tượng này là phù hợp.

Tại phiên tòa luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải; trong cuộc sống bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới được Hội phụ nữ phường N khen thưởng, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 xử phạt bị cáo 12 tháng tù và đề nghị cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, được Hội đồng xét xử sử dụng làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố.

Trong giai đoạn điều tra ban đầu Trần Thị S, Phạm Thị V, Phạm Thị T2, Đinh T3, Dương Hoàng P đều khai vào chiều ngày 02/10/2018 Đinh T3, Dương Hoàng P đến nhà nghỉ TS để tìm gái mua dâm, Dương Hoàng P thỏa thuận với bị cáo S hỏi hai gái bán dâm để bán dâm cho P và T3 với giá thỏa thuận mỗi người mua dâm là 250.000 đồng, nên P đưa cho bị cáo S 500.000 đồng thì S đồng ý gọi Phạm Thị V nhưng V không nghe máy, sau đó gọi Phạm Thị T2 đến phòng 204 để bán dâm cho T3, sau đó Phạm Thị V đang ở trong nhà nghỉ đi ra nên S bảo V vào phòng 205 để bán dâm cho khách thì bị bắt quả tang.

Nhưng trong giai đoạn Hội đồng xét xử trả điều tra bổ sung thể hiện: Phạm Thị V, sinh ngày 30/12/1997 (địa chỉ thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) tên thật là Đinh Thị T1, sinh 30/12/2000 (địa chỉ thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi). Còn Dương Hoàng P, sinh năm 1983 địa chỉ không phải ở thôn 10, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi mà ở địa chỉ số 334/7 đường H, phường 4, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Đinh T3, sinh năm 1974 không phải ở thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, mà ở nhà số 77/8 đường T, phường 2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đối tượng T1, P, T3 khai rằng ban đầu khai không đúng địa chỉ là nhằm mục đích che giấu sợ gia đình biết hành vi sai trái của mình. T1 khai trưa ngày 02/10/2008 bạn trai của T1 tên Nguyễn Văn T (địa chỉ thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) thuê phòng 205 nhà nghỉ TS sau đó điện thoại T1 đến tâm sự, nên T1 đến. Sau khi tâm sự xong, T và T1 ra về, khi T1 xuống cầu thang thì gặp Dương Hoàng P, P cũng là người bạn quen biết qua mạng Facebook từ lâu, nên P rủ T1 tâm sự thì T1 dẫn P vào phòng 205 quan hệ, sau khi quan hệ tình dục xong T1 và P ra về thì bị Công an bắt giữ lập biên bản về hành vi quan hệ tình dục. T1 xác định bị cáo S không bảo T1 vào phòng 205 bán dâm cho P, điều này được S, P, T3, Nguyễn Văn T thừa nhận là đúng (*bút lục 232 – 247, 247a-b, 242 – 245, 250 – 251, 254- 259, 305-308*).

Đồng thời Đinh T3 và Dương Hoàng P đều khai chiều ngày 02/10/2018 khi đến nhà nghỉ TS, P là người vào trước gặp T1 và theo T1 đi vào phòng 205, còn Đinh T3 đến quây lể tân gọi bị cáo S dậy (do bị cáo đang nằm) T3 là người trực tiếp thỏa thuận với bị cáo S về việc mua bán dâm, hai bên thống nhất mỗi lần mua dâm là 250.000 đồng và đưa cho bị cáo S số tiền 500.000 đồng để thực hiện hành vi mua dâm. Sau đó bị cáo S đã điện thoại cho Phạm Thị T2 đến phòng 204 để bán dâm cho T3. Như vậy, việc T1 và P tự rủ nhau vào phòng 205 nhà nghỉ TS để quan hệ tình dục thì bị cáo S hoàn toàn không biết.

Cáo trạng số 12/CT – VKS ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo S biết việc sử dụng nhà nghỉ của mình để chứa mại dâm là vi phạm pháp luật, nhưng vì ham lợi bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi chứa mại dâm của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội

được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần xét xử nghiêm minh, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi vi phạm của bị cáo gây ra.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Việc bị cáo cung cấp tài liệu do Chi hội phụ nữ tổ, Tổ trưởng tổ dân phố, Hội phụ nữ phường về việc xác nhận bị cáo đã tích cực tham gia các phong trào do tổ phát động, có thành tích xuất sắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới được khen thưởng, nhưng bị cáo không giao nộp các văn bản thể hiện hình thức khen thưởng hoặc Quyết định khen thưởng, nên không đủ cơ sở xem đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị, mà xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017. Do đó, việc luật sư bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại Khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 (một) đến 5 (năm) năm tù. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, 01 (một) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; ngoài lần vi phạm pháp luật này bị cáo không vi phạm pháp luật lần nào khác; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt tù, nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, mà cho bị cáo hưởng án treo với thời hạn thử thách nhất định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo thành công dân tốt cho xã hội và phù hợp quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

[3] Các đối tượng có liên quan trong vụ án:

- Đối với Đinh T3 là người mua dâm, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 22 Nghị Định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018 Công an thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính là 750.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Phạm Thị T2 là người bán dâm, đã vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị Định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018 Công an thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính 200.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Dương Hoàng P, Đinh Thị T1: Việc P và T1 tự nguyện quan hệ tình dục, bà S không biết, hơn nữa P cũng không biết T1 chưa đủ 18 tuổi, do vậy Cáo trạng kết luận không có căn cứ để xác định Dương Hoàng P có hành vi mua dâm người dưới 18 tuổi, nên hành vi của P không có dấu hiệu phạm tội “*Mua bán dâm người dưới 18 tuổi*” quy định tại Điều 329 Bộ luật hình sự và không vi phạm pháp luật. Do đó Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-HBQĐXPHC ngày 08/01/2019 đối với Dương Hoàng P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Đinh Thị T1: Tài liệu và cáo trạng thể hiện không có hành vi mua bán dâm, nên T1 không vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị Định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, ngày 15/10/2018. Do đó Công an thành phố Quảng Ngãi ra Quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-HBQĐXPHC ngày 08/01/2019 đối với Đinh Thị T1 là đúng quy định pháp luật.

- Đối với Lê Văn T là chồng của Trần Thị S không biết S sử dụng nhà nghỉ để chứa mại dâm, Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố Quảng Ngãi không truy cứu trách nhiệm hình sự hay xử lý hành chính đối với ông Lê Văn T là đúng pháp luật.

[3] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 500.000 đồng do đối tượng Đinh T3 đưa cho bị cáo Trần Thị S với mục đích sử dụng 250.000 đồng vào việc T3 mua dâm Phạm Thị T2, trong số tiền 250.000 đồng thì bị cáo Trần Thị S nhận 100.000 đồng tiền phòng chứa mại dâm, đối tượng T2 nhận 150.000 đồng tiền bán dâm. Như vậy, số tiền 250.000 đồng là tiền thu lợi bất chính nên phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên số tiền 250.000 đồng còn thừa của Đinh T3 không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, bị cáo Trần Thị S chưa trả lại cho T3 nhưng cơ quan điều tra đã thu giữ nên phải trả lại cho T3.

- 01 điện thoại di động hiệu Mobiiistar có số thuê bao 077.5175.818 của Trần Thị S dùng để liên hệ với Phạm Thị T2 đến nhà nghỉ TS bán dâm cho khách, đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- 02 (hai) bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động cảm ứng, màu trắng phía sau có ốp lót hình bông hoa màu hồng, đã qua sử dụng của Phạm Thị T2 và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, ốp lưng màu vàng, đã qua sử dụng Đinh Thị T1. Qua điều tra xác minh các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T2, T1 là phù hợp quy định pháp luật;

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về tội danh, về xử lý vật chứng, về phần dân sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; đối với mức hình phạt có phần nhẹ so với hành vi của bị cáo gây ra, tuy nhiên bị cáo đủ các điều kiện cho hưởng án

treo nên Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo.

[9]. Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v Khoản 1 BLHS là không đủ căn cứ nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 25/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị S phạm tội “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thị S 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, là ngày 29/3/2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trần Thị S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo Trần Thị S phải chấp hành hình phạt tù của bản án.

Giao bị cáo Trần Thị S cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Trần Thị S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 250.000 đồng là tiền thu lợi bất chính và 01 điện thoại di động hiệu Mobicall có số thuê bao 077.5175.818 của Trần Thị S.

- Hoàn trả cho anh Đinh T3 số tiền 250.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) bao cao su hiệu Doctor đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Thị S phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh T3, ông Dương Hoàng P, bà Đinh Thị T1, bà Phạm Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND.TP.Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an TP.Quảng Ngãi;
- CQ.THAHS Công an TP.Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ Công an TP.Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS.TP.Quảng Ngãi;
- Lưu: HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Hùng